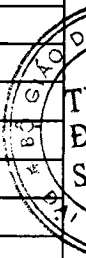


KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO ĐỢT 2, ngày 19/6/2016
KHÓA TUYỂN SINH 2015 - Hệ chính quy
(Kết quả sắp xếp theo tên)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi chú
1	000001	Nguyễn Phúc Như Ái	12/10/1996	6,8	C	Đạt	15CBC1	
2	000002	Phạm Thị Lệ Ái	15/02/1995	6	C	Đạt	15CTL	
3	000003	Nguyễn Viết An	11/10/1996	6,6	C	Đạt	15CTUD1	
4	000004	Nguyễn Thị Trường An	19/01/1997	1,7	F	Không đạt	15SDL	
5	000005	Nguyễn Trần Thiên Ân	14/03/1997	4,4	D	Đạt	15CHDE	
6	000006	Trương Thị Vân Anh	11/01/1997	4,4	D	Đạt	15CDDL	
7	000007	Nguyễn Thị Lan Anh	12/10/1997	4,4	D	Đạt	15CDDL	
8	000008	Nguyễn Thị Hoàng Anh	11/11/1997	5,6	C	Đạt	15CTM	
9	000009	Nguyễn Thị Hoàng Anh	28.07.1997	5	D	Đạt	15CVHH	
10	000010	Đinh Thị Trâm Anh		6,8	C	Đạt	15CBC1	
11	000011	Nguyễn Đình Minh Anh	03/05/1997	8,4	B	Đạt	15CHP	
12	000012	Nguyễn Thị Ánh	22/10/1996	4,5	D	Đạt	15CDDL	
13	000013	Phạm Thị Ánh	13/03/1996	3,3	F	Không đạt	15CHD1	
14	000014	Bùi Thị Ngọc Ánh	22/06/1997	3,2	F	Không đạt	15CTL	
15	000015	Võ Huỳnh Thị Ánh	24/02/1997	4,7	D	Đạt	15CVH1	
16	000016	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	07/08/1997	3,2	F	Không đạt	15CVNH	
17	000017	Lê Hoài Bảo	01/12/1997	5,4	D	Đạt	15CHDE	
18	000018	A Rất Thị Bênh		4,7	D	Đạt	15SGC	
19	000019	Trịnh Quốc Thái Bình	20/05/1997	4,8	D	Đạt	15CBC1	
20	000020	Ngô Nguyên Bình	22/01/1997	0	F	Không đạt	15CDDL	
21	000021	Đỗ Thị Hoàng Bình	15/12/1997	4,5	D	Đạt	15SLS	
22	000022	Nguyễn Thị Thu Bình	15/06/1997	5,4	D	Đạt	15SS	
23	000023	Hồ Thị Xuân Bơ		6,5	C	Đạt	15STH	
24	000024	Trần Thị Mỹ Cam	02/01/1996	5,4	D	Đạt	15CVH1	
25	000025	Lê Thị Cẩm	10/12/1997	6,3	C	Đạt	15CVNH	
26	000026	Nguyễn Thị Hải Châu	27/10/1997	0,8	F	Không đạt	15CVH2	
27	000027	Trần Thị Kim Châu	16/09/1997	6,2	C	Đạt	15SS	
28	000028	Nguyễn Thị Kim Chi	23/08/1997	0	F	Không đạt	15CBC1	
29	000029	Phạm thị Lan Chi	04/12/1997	0	F	Không đạt	15CVH2	
30	000030	Hoàng Thị Kim Chi		4,4	D	Đạt	15STH	
31	000031	Từ Thị Chí	07/01/1997	4,4	D	Đạt	15CDAN	
32	000032	Văn Thị Thiên Chiêu	22/09/1997	6	C	Đạt	15SGC	
33	000033	K'sor Nga Rơ Chong	04/08/1997	6	C	Đạt	15SLS	
34	000034	Phạm Thị Thùy Chung	07/06/1997	5,3	D	Đạt	15CHD1	
35	000035	Nguyễn Thành Công	25/07/1997	7,8	B	Đạt	15CTL	
36	000036	Huỳnh Thị Hoa Cúc	03/05/1997	5,6	C	Đạt	15CVH2	
37	000037	Nguyễn Thị Cúc		5,9	C	Đạt	15CBC1	
38	000038	Đàm Văn Cường	16.02.1995	7,2	B	Đạt	15CVHH	
39	000039	Thái Đức Cường	14/11/1997	7,2	B	Đạt	15ST	
40	000040	Mai Xuân Cường	19/02/1997	7,5	B	Đạt	15CNSH	
41	000041	Đặng Văn Danh	01/03/1997	6,6	C	Đạt	15CTL	
42	000042	Nguyễn Quốc Danh	23/09/1997	2	F	Không đạt	15CTUD1	
43	000043	Shouphida Daosamay	09/09/1995	2,7	F	Không đạt	15SS	
44	000044	Bùi Phong Đạt	27/05/1997	5,7	C	Đạt	15CQM	



9

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi chú
295	000295	Ngô Thị Kim Ngân	08/02/1997	6,8	C	Đạt	15CVL	
296	000296	Phạm Thị Kim Ngân		0	F	Không đạt	15SHH	
297	000297	Nguyễn Thị Thu Ngân	04/08/1997	7,1	B	Đạt	15SNV	
298	000298	Huỳnh Ngọc Nghĩa	16/04/1997	0	F	Không đạt	15SNV	
299	000299	Nguyễn Thị Bích Ngọc	02/09/1996	2,3	F	Không đạt	15CDMT	
300	000300	Nguyễn Thị Kim Ngọc	05/02/1997	5	D	Đạt	15CHD1	
301	000301	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01/04/1997	7,1	B	Đạt	15SMN	
302	000302	Phạm Thị Ngọc		3,9	F	Không đạt	15SGC	
303	000303	Phạm Thị Bích Ngọc	18/01/1996	3,6	F	Không đạt	15SMN	
304	000304	Trần Bích Ngọc	12/01/1997	7,4	B	Đạt	15CBC2	
305	000305	Trần Thị Thảo Nguyên	28/10/1997	5,7	C	Đạt	15CDDL	
306	000306	Trương Thị Nguyên	01/06/1996	6	C	Đạt	15CHD1	
307	000307	Đỗ Nguyễn Ý Nguyên		3,9	F	Không đạt	15CQM	
308	000308	Trần Thị Trinh Nguyên	13/01/1997	5,3	D	Đạt	15CQM	
309	000309	Phạm Thị Thảo Nguyên	06/04/1997	6,8	C	Đạt	15CTXH	
310	000310	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	18/06/1997	5,3	D	Đạt	15CHP	
311	000311	Lê Thị Thu Nguyên	30/07/1997	5,7	C	Đạt	15CTXH	
312	000312	Phan Thị Mỹ Nguyên	22/10/1997	6,6	C	Đạt	15CTXH	
313	000313	Lê Thị Thảo Nguyên	02/05/1997	3,3	F	Không đạt	15SLS	
314	000314	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	26/07/1997	6,2	C	Đạt	15SNV	
315	000315	Nguyễn Trần Minh Nguyệt	30/06/1997	7,4	B	Đạt	15CTL	
316	000316	Phan Thị Minh Nguyệt	27/09/1997	6,8	C	Đạt	15ST	
317	000317	Lê Thị Ánh Nguyệt		8,6	A	Đạt	15CBC1	
318	000318	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	27/07/1997	5,9	C	Đạt	15CQM	
319	000319	Đặng Thị Thanh Nhân	15/08/1997	4,2	D	Đạt	15CHD1	
320	000320	Nguyễn Thị Nhân	12/02/1997	4,7	D	Đạt	15CHDE	
321	000321	Bùi Thị Nhân	14/08/1997	5,9	C	Đạt	15SLS	
322	000322	Bùi Thị Thanh Nhân	27/07/1997	6,6	C	Đạt	15SNV	
323	000323	Bùi Thị Thanh Nhân	25/06/1997	5,7	C	Đạt	15CQM	
324	000324	Phạm Hoàng Nhân	21/10/1996	4,4	D	Đạt	15CHP	
325	000325	Đỗ Thành Nhân	20/02/1997	4,7	D	Đạt	15CTXH	
326	000326	Phạm Thị Thanh Nhân	18/08/1997	5,1	D	Đạt	15CVH2	
327	000327	Trần Thị Yến Nhi	04/06/1997	4,2	D	Đạt	15CLS	
328	000328	Hoàng Ý Nhi		5,3	D	Đạt	15CQM	
329	000329	Hà Thị Yến Nhi	24/07/1997	5,7	C	Đạt	15CTXH	
330	000330	Trần Thị Nhi	30/08/1997	4,1	D	Đạt	15CDAN	
331	000331	Võ Thị Quỳnh Nhi		3,9	F	Không đạt	15CDAN	
332	000332	Lê Thị Nhi	30/12/1997	8,3	B	Đạt	15SMN	
333	000333	Trần Lê Lê Nhi	07/01/1997	8,1	B	Đạt	15SMN	
334	000334	Nguyễn Thị Yến Nhi	02/09/1997	4,8	D	Đạt	15SNV	
335	000335	Lê Nữ Bích Nhiên	11/07/1996	5,3	D	Đạt	15CTM	
336	000336	Hồ Thị Nhím	15/06/1997	4,7	D	Đạt	15SNV	
337	000337	Võ Thị Hoài Nhơn	09/12/1997	6,2	C	Đạt	15CTL	
338	000338	Phan Thị Quỳnh Như	20/07/1997	6,2	C	Đạt	15CBC1	
339	000339	Quảng Thị Kim Như		6,3	C	Đạt	15SMN	
340	000340	Võ Thị Quỳnh Như	22/10/1997	5,7	C	Đạt	15SNV	
341	000341	Trần Thị Mỹ Nhung	01/04/1997	4,5	D	Đạt	15CDMT	
342	000342	Trần Thị Phương Nhung	27/08/1997	0	F	Không đạt	15CHDE	
343	000343	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	06/12/1997	3,8	F	Không đạt	15CTM	
344	000344	Lê Thị Nhung	20/11/1996	5	D	Đạt	15SGC	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi chú
45	000045	Nguyễn Đình Đạt		29/02/1996	2,9	F	Không đạt	15CTL	
46	000046	Ngô Thị Diễm			3	F	Không đạt	15CQM	
47	000047	Trần thị thu Diễm		03/06/1997	4,8	D	Đạt	15CTM	
48	000048	Lê Thị Ái Diễm		08.05.1997	1,5	F	Không đạt	15CVHH	
49	000049	Nguyễn Thị Kiều Diễm		01/01/1997	2	F	Không đạt	15SGC	
50	000050	Nguyễn Thị Diễm		17/08/1997	3,9	F	Không đạt	15CLS	
51	000051	Võ Thị Ngọc Diễm		14/10/1997	4,5	D	Đạt	15SVL	
52	000052	Nguyễn Thị Diệp		18/09/1996	0,2	F	Không đạt	15SNV	
53	000053	Trương Thị Bùi Diệu		27/02/1997	3,6	F	Không đạt	15CHD1	
54	000054	Nguyễn Thị Hoàng Diệu		26.03.1997	4,2	D	Đạt	15CVHH	
55	000055	Phan Thị Thanh Diệu		12/10/1997	3,8	F	Không đạt	15CQM	
56	000056	Nguyễn Châu Thục Đoan		31/03/1997	4,7	D	Đạt	15CDDL	
57	000057	Trần Thị Hạnh Đoan		03/06/1997	7,2	B	Đạt	15SNV	
58	000058	Trịnh Văn Đức			2,3	F	Không đạt	15CQM	
59	000059	Nguyễn Thị Dung		03/03/1996	3,3	F	Không đạt	15CDMT	
60	000060	Trần Thị Dung		27/12/1997	4,4	D	Đạt	15CTM	
61	000061	Nguyễn Minh Dung		03/06/1997	5,6	C	Đạt	15CHD2	
62	000062	Võ Thị Thùy Dung			4,5	D	Đạt	15SMN	
63	000063	Bùi Minh Dũng		25/12/1997	4,1	D	Đạt	15CTUDE	
64	000064	Trần Công Được		04/06/1996	6,3	C	Đạt	15CHD1	
65	000065	Nguyễn Dương		01/01/1997	3,3	F	Không đạt	15CNSH	
66	000066	Nguyễn Thị Duong		10/07/1997	3,2	F	Không đạt	15CVH1	
67	000067	Nguyễn Thị Hồng Duyên		04/01/1997	5,4	D	Đạt	15CTL	
68	000068	Đặng Thị Duyên		01/06/1997	3,9	F	Không đạt	15CTUDE	
69	000069	Phạm Thị Bích Duyên		02/08/1997	6,2	C	Đạt	15CVH2	
70	000070	Lê Công Duyên		04/06/1997	2,1	F	Không đạt	15SGC	
71	000071	Phan Thị Thanh Duyên		11/04/1997	5,7	C	Đạt	15CNSH	
72	000072	Ngô Thị Mỹ Duyên			6,2	C	Đạt	15CVNH	
73	000073	Đỗ Thị Duyên			0	F	Không đạt	15SGC	
74	000074	Hồ Thị Duyên		10/02/1997	3,9	F	Không đạt	15CBC2	
75	000075	Nguyễn Thị Kỳ Duyên		02/06/1996	5,6	C	Đạt	15CVL	
76	000076	H Búp Êban		03/07/1997	6	C	Đạt	15CTXH	
77	000077	Dương Phan Phương Giang		15/06/1997	3,2	F	Không đạt	15CDDL	
78	000078	Đỗ Trà Giang		08/12/1997	0	F	Không đạt	15CHDE	
79	000079	Nguyễn Thị Lệ Giang		20/11/1996	2,6	F	Không đạt	15CTL	
80	000080	Đỗ Thị Cẩm Giang		05/05/1997	2,7	F	Không đạt	15CVH2	
81	000081	Nguyễn Thị Cẩm Giang		04/10/1997	5,7	C	Đạt	15CVL	
82	000082	Phạm Thị Lệ Giang		16/10/1997	2,1	F	Không đạt	15SDL	
83	000083	Đoàn Thị Châu Giang		06.04.1997	5,6	C	Đạt	15STH	
84	000084	Dương Thị Hà Giang		21.01.1996	7,7	B	Đạt	15STH	
85	000085	Nguyễn Thị Quỳnh Giao		13/04/1996	5,4	D	Đạt	15CHP	
86	000086	Võ Lê Thị Thu Hà		24/07/1997	4,7	D	Đạt	15CTUD1	
87	000087	Trần Thị Thu Hà		21/08/1997	2,3	F	Không đạt	15CVH1	
88	000088	Ngô Thị Hà		10/09/1997	5,3	D	Đạt	15CHD1	
89	000089	Võ Thị Hồng Hà		18/10/1997	4,2	D	Đạt	15CQM	
90	000090	Trần Thị Thu Hà		29/03/1997	3,5	F	Không đạt	15SDL	
91	000091	Nguyễn Thị Thu Hà		25/06/1997	0	F	Không đạt	15SMN	
92	000092	Đặng Thị Hạ		21/10/1997	4,4	D	Đạt	15CTXH	
93	000093	Phùng Thanh Hạ		02/07/1996	4,7	D	Đạt	15CTXH	
94	000094	Lê Thị Hạ		16/07/1996	4,8	D	Đạt	15CVNH	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi chú
95	000095	Ngô Thị Hai	17/06/1997	4,1	D	Đạt	15CDDL	
96	000096	Phan Thị Hai	08/11/1997	3,9	F	Không đạt	15SNV	
97	000097	Hồ Ngọc Minh	20/03/1996	4,2	D	Đạt	15CHD1	
98	000098	Võ Thị Minh	14/04/1997	4,2	D	Đạt	15CVH1	
99	000099	Nguyễn Minh	06/05/1997	4,7	D	Đạt	15CTXH	
100	000100	Nguyễn Văn	26/03/1996	6,5	C	Đạt	15CVNH	
101	000101	Phạm	15/05/1997	5	D	Đạt	15SGC	
102	000102	Nguyễn Thị	21/04/1996	5	D	Đạt	15CQM	
103	000103	Phùng Trường	01/02/1997	3	F	Không đạt	15CVNH	
104	000104	Đặng Thị Thủy	06/05/1997	4,1	D	Đạt	15CBC1	
105	000105	Đinh Thị Ngọc	29/08/1995	5	D	Đạt	15CTL	
106	000106	Trần Thị Thu	01/01/1996	3,6	F	Không đạt	15CTUDE	
107	000107	Huỳnh Thị Mỹ	01/04/1997	5	D	Đạt	15CVH2	
108	000108	Nguyễn Thị Thanh	10/10/1997	5,3	D	Đạt	15SMN	
109	000109	Ngô Thị Minh	14/04/1997	5,4	D	Đạt	15SS	
110	000110	Đoàn Thị Thanh	21/06/1997	5,4	D	Đạt	15ST	
111	000111	Ngô Thị Thanh	18/05/1997	5,9	C	Đạt	15CVNH	
112	000112	Lê Thị Lệ	03/12/1997	3,8	F	Không đạt	15SLS	
113	000113	Lương Thị	25/03/1997	4,5	D	Đạt	15SLS	
114	000114	Trần Thị	05/05/1996	6,2	C	Đạt	15CBC2	
115	000115	Trần Phước	08/04/1997	0	F	Không đạt	15CHDE	
116	000116	Đặng Thị Ngọc	18/05/1997	3,5	F	Không đạt	15CHD1	
117	000117	Phạm Thị	11/07/1997	4,7	D	Đạt	15CTM	
118	000118	Nguyễn Thị Hồng	31/12/1997	5,7	C	Đạt	15CTM	
119	000119	Huỳnh Thị Ngọc	24/06/1997	4,1	D	Đạt	15CVH1	
120	000120	Phan Thị	01.03.1997	5,9	C	Đạt	15CVHH	
121	000121	Lê Thị Kim	12/09/1995	6,3	C	Đạt	15CHD1	
122	000122	Nguyễn Thị	06/12/1997	5,4	D	Đạt	15CHD2	
123	000123	Võ Thị Tuyết	05/05/1997	6	C	Đạt	15CVNH	
124	000124	Nguyễn Thị Hồng	02/06/1997	3,6	F	Không đạt	15CVNH	
125	000125	Trần Thị Mỹ	07/07/1997	4,7	D	Đạt	15CHP	
126	000126	Bùi Thị Cảnh	30/06/1997	6,2	C	Đạt	15CTM	
127	000127	Phạm Thị	19/11/1997	6,5	C	Đạt	15CTL	
128	000128	Nguyễn Lê Thanh	05/04/1997	5,7	C	Đạt	15CTUDE	
129	000129	Nguyễn Thị Út	28/02/1997	5	D	Đạt	15CVH1	
130	000130	Phạm Thị	12/08/1997	1,5	F	Không đạt	15CVH2	
131	000131	Nguyễn Thị Thu	01.01.1997	4,5	D	Đạt	15CVHH	
132	000132	Trần Thị	15/04/1997	5,1	D	Đạt	15SDL	
133	000133	Nguyễn Thị Thu	06/03/1997	4,2	D	Đạt	15SGC	
134	000134	Trần Thị Thu	17/07/1997	6,5	C	Đạt	15CHD1	
135	000135	Nguyễn Thị	27/10/1997	6,3	C	Đạt	15CHP	
136	000136	Hồ Thị Thu	12/10/1997	5,9	C	Đạt	15CNSH	
137	000137	Ngô Khánh	09/12/1997	0	F	Không đạt	15CQM	
138	000138	Huỳnh Thị Như	08/07/1997	5,9	C	Đạt	15CTXH	
139	000139	Đặng Thị Mỹ	25/05/1997	6,3	C	Đạt	15SVL	
140	000140	Nguyễn Thị		6,8	C	Đạt	15CNSH	
141	000141	Phùng Thị Thu	28/11/1997	2,4	F	Không đạt	15CTM	
142	000142	Lê Thị Minh	16/07/1997	4,8	D	Đạt	15CTM	
143	000143	Nguyễn Trọng	30/04/1997	6,3	C	Đạt	15CQM	
144	000144	Trần Thị	28/01/1997	2,9	F	Không đạt	15CVH1	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi chú
145	000145	Nguyễn Thị Hoa	24/09/1997	4,2	D	Đạt	15CTXH	
146	000146	Lê Trần Thị Hoa	05/12/1997	3,8	F	Không đạt	15CVL	
147	000147	Đoàn Thị Hoa	28/11/1997	4,4	D	Đạt	15CHD2	
148	000148	Lê Hoàng	01/07/1997	0	F	Không đạt	15CHDE	
149	000149	Nguyễn Thị Minh	24/08/1997	6,8	C	Đạt	15CTUD1	
150	000150	Nguyễn Thị Học	02/02/1997	6,9	C	Đạt	15CTXH	
151	000151	Đinh Văn Hội		5,1	D	Đạt	15SHH	
152	000152	Trần Thị Thu Hồng	17/01/1997	4,2	D	Đạt	15CVH1	
153	000153	Nguyễn Thị Hồng	14.11.1997	5,7	C	Đạt	15CVHH	
154	000154	Bùi Thị Huế	25/08/1997	7,4	B	Đạt	15CVH2	
155	000155	Hồ Thị Huệ	22/12/1997	5,6	C	Đạt	15CTUD1	
156	000156	Hồ Thị Linh Huệ	02/02/1997	7,1	B	Đạt	15CNSH	
157	000157	Nông Thị Huệ	07/01/1996	4,5	D	Đạt	15CTL	
158	000158	Đặng Duy Hùng	21/12/1996	6	C	Đạt	15CLS	
159	000159	Nguyễn Văn Hùng	27/12/1997	4,7	D	Đạt	15CQM	
160	000160	Nguyễn Việt Hưng	06/08/1997	6,2	C	Đạt	15CNSH	
161	000161	Trần Thị Hương	17/02/1997	5,7	C	Đạt	15CHD1	
162	000162	Lê Thị Hương	20/03/1996	6,5	C	Đạt	15CTUD1	
163	000163	Phan Thị Hương	21.05.1996	4,2	D	Đạt	15CVHH	
164	000164	Đỗ Thị Hương	18/05/1997	4,8	D	Đạt	15CVNH	
165	000165	Huỳnh Thị Thu Hương	29/01/1996	6,2	C	Đạt	15SVL	
166	000166	Phạm Thị Hương	30/10/1997	5	D	Đạt	15CTL	
167	000167	Hoàng thị Thúy Hường	16/03/1997	5,3	D	Đạt	15CDDL	
168	000168	Đinh Thị Hường	20/11/1997	0	F	Không đạt	15SGC	
169	000169	Trương Thị Bích Hường	10/10/1997	6,2	C	Đạt	15CQM	
170	000170	Lê Thị Thu Hường	26/09/1997	6,3	C	Đạt	15SVL	
171	000171	Nguyễn Ngọc Huy	09/02/1997	6,5	C	Đạt	15CBC1	
172	000172	Nguyễn Thị Hoàng Huyền	26/05/1997	3,5	F	Không đạt	15SS	
173	000173	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/04/1997	5,6	C	Đạt	15CDMT	
174	000174	Lê Thị Ngọc Huyền	31/08/1997	7,1	B	Đạt	15CTM	
175	000175	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/03/1997	6,3	C	Đạt	15SLS	
176	000176	Phan Ngọc Huyền	20/02/1995	0	F	Không đạt	15CHP	
177	000177	Trần Thị Huyền	09/12/1997	4,1	D	Đạt	15SDL	
178	000178	Phạm Thị Huyền	20/10/1997	7,5	B	Đạt	15SVL	
179	000179	Y Huyết	21/04/1997	5,6	C	Đạt	15CTL	
180	000180	Lê Nguyễn Như Huỳnh	01.05.1997	5,3	D	Đạt	15CVHH	
181	000181	Võ Thị Như Huỳnh	05/08/1997	6,9	C	Đạt	15CNSH	
182	000182	Nguyễn Phước Huỳnh	06/01/1997	2,6	F	Không đạt	15CQM	
183	000183	Vũ Văn Kế	08/09/1997	4,7	D	Đạt	15ST	
184	000184	Huỳnh Đức Khánh	31/05/1997	4,7	D	Đạt	15CLS	
185	000185	Võ Thị Diệu Khánh	02/10/1997	4,7	D	Đạt	15CDAN	
186	000186	Bon Niêng K'Hiu		5,1	D	Đạt	15SGC	
187	000187	Trần Khuê	10/08/1997	5,7	C	Đạt	15CQM	
188	000188	Hồ Anh Kiệt	08/09/1997	4,4	D	Đạt	15CDMT	
189	000189	Phạm Thúy Kiều	12/04/1997	3,3	F	Không đạt	15SMN	
190	000190	Nguyễn Thị Ánh Kim	12/12/1997	4,5	D	Đạt	15CHP	
191	000191	A Lá		7,1	B	Đạt	15CTXH	
192	000192	Trần Thị Lạc	27/02/1996	6,5	C	Đạt	15CHD1	
193	000193	Hồ Văn Lai	10/05/1996	4,4	D	Đạt	15CTM	
194	000194	Nguyễn Thị Lài	17/07/1991	4,8	D	Đạt	15CDDL	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi chú
195	000195	Nguyễn Thị Yên	Lam	01/06/1997	3,5	F	Không đạt	15CTM
196	000196	Nguyễn Thanh	Lâm	02/01/1997	2,6	F	Không đạt	15CDMT
197	000197	Trần Thị Mỹ	Lan	01/01/1996	4,8	D	Đạt	15CVH2
198	000198	Pờ Loong	Lan	05/10/1997	5,1	D	Đạt	15SGC
199	000199	A lằng Hồng	Lan	15/05/1997	4,2	D	Đạt	15CTXH
200	000200	Nguyễn Thị Kiều	Lan		3,6	F	Không đạt	15SDL
201	000201	Lê Thị	Lan	20/07/1997	4,5	D	Đạt	15SNV
202	000202	Phạm Thị	Lan	17.07.1997	6,3	C	Đạt	15STH
203	000203	Lê Thị Thu	Lanh	09.07.1997	4,4	D	Đạt	15CVHH
204	000204	Nguyễn Thị	Lập	23/12/1997	6,2	C	Đạt	15SNV
205	000205	Nguyễn Văn	Lầu	15/04/1997	5	D	Đạt	15ST
206	000206	Nguyễn Thị Thanh	Lê	15/10/1997	6,5	C	Đạt	15CTXH
207	000207	Y	Lê	05/03/1997	8,6	A	Đạt	15CTXH
208	000208	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	09/12/1997	5,7	C	Đạt	15CBC1
209	000209	Dương Thị Mỹ	Lệ		6,9	C	Đạt	15SHH
210	000210	Phan Thị Thùy	Lênh		6,5	C	Đạt	15SHH
211	000211	Trần Thị	Liên	01/06/1997	6	C	Đạt	15CTL
212	000212	Nguyễn thị	Liên	26/03/1997	3,8	F	Không đạt	15CTM
213	000213	Y	Liên	03/07/1996	4,8	D	Đạt	15CTXH
214	000214	Lê Thị Thu	Liên	02/06/1996	5,6	C	Đạt	15CTXH
215	000215	Trần Thị Kim	Liên	17/09/1997	7,1	B	Đạt	15CVNH
216	000216	Bùi Thị	Liên	04/10/1997	7,2	B	Đạt	15CTUD2
217	000217	Niê	Lil	07/01/1997	4,2	D	Đạt	15SDL
218	000218	Trương Thị Thùy	Linh	15/07/1997	4,4	D	Đạt	15CDMT
219	000219	Trần Diệu	Linh	20/04/1990	0	F	Không đạt	15CTUDE
220	000220	Nguyễn Bảo	Linh	19/02/1997	4,5	D	Đạt	15CTUDE
221	000221	Nguyễn Trần Khánh	Linh	26/09/1997	5,7	C	Đạt	15CVH2
222	000222	Hồ Thị	Linh	10/10/1997	5,4	D	Đạt	15CTXH
223	000223	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	02/11/1997	4,5	D	Đạt	15CTXH
224	000224	Đặng Thị Mỹ	Linh	30/10/1997	0	F	Không đạt	15CVL
225	000225	Trần Thị Huyền	Linh	14/09/1997	7,4	B	Đạt	15SMN
226	000226	Đào Thị	Linh	01/02/1997	5,6	C	Đạt	15SMN
227	000227	Trần Thị	Linh		3	F	Không đạt	15SMN
228	000228	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	06/11/1997	6,6	C	Đạt	15SNV
229	000229	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	12/10/1997	2,3	F	Không đạt	15CTM
230	000230	Lê Tường	Linh	08/12/1996	4,8	D	Đạt	15CBC2
231	000231	Nguyễn Thị Thùy	Linh	06/04/1996	4,8	D	Đạt	15SDL
232	000232	Lê Thị	Loan	30/12/1997	5,7	C	Đạt	15CTUDE
233	000233	Đàm Dương Phương	Loan	13/06/1997	3,8	F	Không đạt	15CVH1
234	000234	Bríu Thị Kim	Loan	08/11/1997	1,7	F	Không đạt	15SGC
235	000235	Đặng Thị Kim	Loan	21/06/1997	5,1	D	Đạt	15CTXH
236	000236	Trần Thị	Lợi	20/08/1997	3,5	F	Không đạt	15CHD1
237	000237	Đỗ Thị	Lợi	10/10/1997	0	F	Không đạt	15CNSH
238	000238	Lưu Thành	Long	03/06/1995	5,7	C	Đạt	15CTUD1
239	000239	Trần	Long	25/02/1989	5,9	C	Đạt	15CTUDE
240	000240	Lê Thị Kim	Lục	25/01/1997	2,9	F	Không đạt	15CTXH
241	000241	Trần Thị	Luyên	18/08/1996	4,7	D	Đạt	15CVH1
242	000242	Phạm Thị Mai	Luyên	10/06/1996	6,8	C	Đạt	15SVL
243	000243	Nguyễn Thị Thảo	Ly	24/05/1997	3,3	F	Không đạt	15CDMT
244	000244	Lê Khánh	Ly	22/10/1997	0	F	Không đạt	15CDMT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi chú
245	000245	Dương thị Hồng Ly	15/10/1997	4,5	D	Đạt	15CTL	
246	000246	Đỗ Nhật Ly	30/03/1997	2,4	F	Không đạt	15CTUDE	
247	000247	Huỳnh Thị Ly	06.01.1996	6,3	C	Đạt	15CVHH	
248	000248	Nguyễn Thảo Ly	15/06/1996	6,6	C	Đạt	15SMN	
249	000249	Võ Thị Ly	09/03/1997	3,9	F	Không đạt	15CTXH	
250	000250	Lê Thị Trúc Ly		3,6	F	Không đạt	15SDL	
251	000251	Võ Thị Xuân Ly		4,2	D	Đạt	15SDL	
252	000252	Trần Thị Khánh Ly		7,4	B	Đạt	15SHH	
253	000253	Nguyễn Thị Thùy Ly	16/08/1997	6	C	Đạt	15SMN	
254	000254	Nguyễn Thị Yên Ly	18/10/1997	5	D	Đạt	15SMN	
255	000255	Nguyễn Thị Khánh Ly		5,9	C	Đạt	15SMN	
256	000256	Lưu Thị Thảo Ly	18/06/1997	5,6	C	Đạt	15SS	
257	000257	Đinh Thị Cam Ly	07/04/1997	4,7	D	Đạt	15SS	
258	000258	Cao Thị Mai	04/06/1997	3,3	F	Không đạt	15SGC	
259	000259	Nguyễn Thị Mai	06/06/1997	3,6	F	Không đạt	15CVNH	
260	000260	Đặng Thị Thanh Mai	17/10/1997	3,6	F	Không đạt	15CVNH	
261	000261	Nguyễn Thị Mai		7,2	B	Đạt	15STH	
262	000262	Phạm Thị Huệ Mầm	10/09/1997	5	D	Đạt	15CQM	
263	000263	Lê Thị Mẫn	23/08/1997	4,4	D	Đạt	15CTL	
264	000264	Huỳnh Thị Mận	18/01/1997	2,9	F	Không đạt	15SLS	
265	000265	Trần Thị Mạnh	29/01/1997	4,2	D	Đạt	15CTL	
266	000266	Y May	28/08/1997	5,7	C	Đạt	15SNV	
267	000267	Lê Thị Yên Mi	28/06/1996	4,7	D	Đạt	15CVNH	
268	000268	Bùi Thị Minh	07/04/1993	3,5	F	Không đạt	15CTL	
269	000269	Nguyễn Thị Mơ	05/07/1997	4,8	D	Đạt	15CVNH	
270	000270	Trần Thị Diệu My	01/03/1997	6,3	C	Đạt	15CTUDE	
271	000271	Nguyễn Lê Thùy My	17.07.1997	6,9	C	Đạt	15CVHH	
272	000272	Nguyễn Thị Nhật My	27/02/1997	4,7	D	Đạt	15SDL	
273	000273	Nguyễn Thị Trà My	16/02/1997	3,6	F	Không đạt	15SLS	
274	000274	Huỳnh Thị Tiểu My	11/06/1997	5,6	C	Đạt	15SLS	
275	000275	Nguyễn Trần Kim My		7,4	B	Đạt	15CBC1	
276	000276	Nguyễn Công Thị Thảo My	15/07/1997	6,2	C	Đạt	15CVNH	
277	000277	Nguyễn Thị Khánh My	08/07/1997	5,3	D	Đạt	15SNV	
278	000278	Nguyễn Thị Mỹ	22/12/1997	4,1	D	Đạt	15CBC2	
279	000279	Nguyễn Thị Thanh Mỹ	15/12/1997	5,1	D	Đạt	15CHP	
280	000280	Bùi Thị Thanh Mỹ	06/06/1997	8	B	Đạt	15CVNH	
281	000281	Trương Thị Mỹ	23/06/1997	7,4	B	Đạt	15SDL	
282	000282	Vũ Thị Na Na	02/01/1996	5,6	C	Đạt	15CDDL	
283	000283	Võ Thị Ly Na	20/07/1997	5,9	C	Đạt	15SLS	
284	000284	Rmah H' Năm	09/03/1997	6	C	Đạt	15CTXH	
285	000285	Hoàng Nga	08/09/1996	5	D	Đạt	15CDMT	
286	000286	Nguyễn Thị Tuyết Nga	16/01/1997	6,9	C	Đạt	15CTL	
287	000287	Trần Thị Nga	19/09/1996	5,3	D	Đạt	15CTM	
288	000288	Nguyễn Thị Mỹ Nga	15/09/1997	2,7	F	Không đạt	15CNSH	
289	000289	Nguyễn Thị Nga	15/11/1996	5,1	D	Đạt	15SDL	
290	000290	Nguyễn Thị Thúy Nga	05/07/1996	7,1	B	Đạt	15SNV	
291	000291	Đinh Thị Kim Ngân	01/02/1997	5,6	C	Đạt	15CDDL	
292	000292	Lê Thị Thúy Ngân		6,2	C	Đạt	15CBC1	
293	000293	Lê Thị Kim Ngân		0	F	Không đạt	15CTUD2	
294	000294	Lê Thị Kiều Ngân	24/02/1997	5,1	D	Đạt	15CTXH	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi chú
545	000545	Hà Thị Tương	01/08/1997	9,6	A	Đạt	15CHD2	
546	000546	Nguyễn Văn Tường	21/01/1996	6,3	C	Đạt	15CHD1	
547	000547	Trần Trinh Tường	01/01/1997	6,6	C	Đạt	15ST	
548	000548	Nguyễn Văn Tuur	01/05/1997	4,5	D	Đạt	15ST	
549	000549	Nguyễn Thị Mỹ Tuyên	17/04/1997	5,3	D	Đạt	15CVH1	
550	000550	Nguyễn Thị Nhật Tuyên	04/02/1997	6,5	C	Đạt	15CNSH	
551	000551	Châu Thị Thanh Tuyên	01/03/1997	5,6	C	Đạt	15CDMT	
552	000552	Nguyễn Thị Nhi Tuyết	15/08/1996	7,1	B	Đạt	15CVH2	
553	000553	Lê Thị Ánh Tuyết	15/08/1997	4,8	D	Đạt	15CHP	
554	000554	Hồ Thị Tuyết	10.04.1997	5,6	C	Đạt	15STH	
555	000555	Lê Thị Phương Tuyết	03/01/1997	5,4	D	Đạt	15CHD1	
556	000556	Hôih Thị Tuyết	17/10/1997	5,3	D	Đạt	15SDL	
557	000557	Hồ Ty	20/04/1997	8,7	A	Đạt	15CBC2	
558	000558	Đinh Thị Mỹ Út	29/01/1996	6,3	C	Đạt	15ST	
559	000559	A lăng Úy		4,5	D	Đạt	15SDL	
560	000560	Từ Thị Tổ Uyên	20/06/1997	6,2	C	Đạt	15CBC1	
561	000561	Nguyễn Vũ Phương Uyên	20/01/1997	5,4	D	Đạt	15CDDL	
562	000562	Vân Thị Tổ Uyên	30/04/1996	5,3	D	Đạt	15CDDL	
563	000563	Nguyễn Thị Phương Uyên	18/06/1997	6,2	C	Đạt	15CDMT	
564	000564	Hà Thê Uyên Uyên	24/11/1997	6,6	C	Đạt	15CDMT	
565	000565	Nguyễn Ngọc Kim Uyên	19/01/1996	6,6	C	Đạt	15CDMT	
566	000566	Nguyễn Thị Phương Uyên	10/12/1997	5,4	D	Đạt	15CVH2	
567	000567	Trần Thị Đỗ Uyên	07/05/1997	5,9	C	Đạt	15SDL	
568	000568	Đỗ Thị Thục Uyên	27/10/1997	6,6	C	Đạt	15ST	
569	000569	Trần Quỳnh Uyên	10/10/1997	7,4	B	Đạt	15CHP	
570	000570	Lê Nguyễn Thảo Uyên	09/05/1997	7,2	B	Đạt	15CQM	
571	000571	Dương Minh Uyên	29/02/1997	7,1	B	Đạt	15CVL	
572	000572	Lê Thị Kim Uyên	09/01/1997	7,1	B	Đạt	15SDL	
573	000573	Trần Thị Thu Uyên	28/01/1997	6,2	C	Đạt	15SLS	
574	000574	Trần Thị Thủy Vân	23/06/1997	7,4	B	Đạt	15CBC1	
575	000575	Trương Thị Y Vân	20.03.1997	6,2	C	Đạt	15CVHH	
576	000576	Lê Thị Vân	08.03.1997	0	F	Không đạt	15CVHH	
577	000577	Lê Thị Tường Vân		0	F	Không đạt	15CBC1	
578	000578	Trần Thị Vân		8,1	B	Đạt	15CBC2	
579	000579	A Rắc Thị Vân		5,1	D	Đạt	15SGC	
580	000580	Lê Thị Tường Văn	22/10/1997	4,2	D	Đạt	15CDMT	
581	000581	Hồ Thoại Vi	21/01/1997	6,3	C	Đạt	15CTUD1	
582	000582	Lê Thị Thủy Vi	20/03/1997	5,4	D	Đạt	15CVH2	
583	000583	Phan Thị Tường Vi	03/11/1995	6,3	C	Đạt	15CTXH	
584	000584	Trần Tường Vi	23/08/1997	7,4	B	Đạt	15CTXH	
585	000585	Đỗ Thị Tường Vi		5,3	D	Đạt	15SLS	
586	000586	Lê Đoàn Tường Vi	23/10/1997	7,8	B	Đạt	15SMN	
587	000587	Trần Thị Thanh Vi	19/07/1997	7,8	B	Đạt	15SNV	
588	000588	Trần Thị Thu Viên	20/12/1997	7,7	B	Đạt	15CDDL	
589	000589	Lê Thị Long Viên	07/11/1997	4,7	D	Đạt	15SGC	
590	000590	Lê Thị Anh Việt	03/11/1997	3,2	F	Không đạt	15CHDE	
591	000591	Lê Thị Vinh	15/09/1997	8,7	A	Đạt	15CTXH	
592	000592	Võ Đăng Vịnh	29/09/1997	5,3	D	Đạt	15CTUD1	
593	000593	Lý Văn Vũ	07/04/1997	6	C	Đạt	15CDMT	
594	000594	Nguyễn Thị Vương	27/05/1997	6,3	C	Đạt	15CDDL	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi chú
345	000345	Nguyễn Thị Hồng Nhung		4,8	D	Đạt	15CBC1	
346	000346	Nguyễn Thị Hồng Nhung	26/02/1997	8	B	Đạt	15CVNH	
347	000347	Nguyễn Thị Nhung	23.06.1997	4,4	D	Đạt	15STH	
348	000348	Đỗ Thị Hồng Nhung	25/02/1997	6,9	C	Đạt	15SVL	
349	000349	Bùi Đông Nhựt	07/01/1996	4,7	D	Đạt	15CTM	
350	000350	Tạ Thị Mê Ninh	13/01/1997	7,4	B	Đạt	15SVL	
351	000351	Bùi Thị Trinh Nữ	17/02/1997	4,2	D	Đạt	15CBC1	
352	000352	Đoàn Thị Mỹ Nữ	10/09/1997	6,5	C	Đạt	15CTXH	
353	000353	Dương Thị Nữ	20/08/1997	7,7	B	Đạt	15SNV	
354	000354	A Lăng Núp		5,6	C	Đạt	15SGC	
355	000355	Nguyễn Kiều Oanh	13/04/1997	5	D	Đạt	15CVL	
356	000356	Nguyễn Thị Oanh	16/07/1995	5,4	D	Đạt	15CVNH	
357	000357	Lê Thị Kim Oanh	13/02/1997	6,2	C	Đạt	15SNV	
358	000358	Vongphetthong Phatthong		4,4	D	Đạt	15SHH	
359	000359	Nguyễn Thị Hoài Phi	01/05/1997	7,4	B	Đạt	15CVH2	
360	000360	Trần Phong	23/09/1997	4,7	D	Đạt	15CHP	
361	000361	Nguyễn Thị Hồng Phúc	03/10/1997	4,7	D	Đạt	15CDDL	
362	000362	Trần Thị Diễm Phúc	18/03/1997	6	C	Đạt	15CHD2	
363	000363	Lê Văn Phúc	25/10/1997	5,6	C	Đạt	15CHD1	
364	000364	Đinh Thị Thu Phụng	23/11/1996	4,5	D	Đạt	15CVH1	
365	000365	Đinh Thị Yến Phụng	01/09/1997	4,8	D	Đạt	15CVH1	
366	000366	Lê Đức Duy Phước	05/09/1997	5,4	D	Đạt	15CHDE	
367	000367	Phạm Thị Ánh Phước	27/10/1997	3,9	F	Không đạt	15SMN	
368	000368	Võ Thị Phước	05/02/1997	5,1	D	Đạt	15CQM	
369	000369	Nguyễn Thị Thảo Phương	20/05/1997	5,3	D	Đạt	15CBC1	
370	000370	Trương Mai Nam Phương	13/12/1997	5,1	D	Đạt	15CVH2	
371	000371	Bùi Thị Bích Phương	13.06.1997	5,7	C	Đạt	15CVHH	
372	000372	Đào Thị Phương	01/01/1997	5	D	Đạt	15CNSH	
373	000373	Nguyễn Thị Phương		4,4	D	Đạt	15CNSH	
374	000374	Nguyễn Thị Lan Phương		0	F	Không đạt	15CQM	
375	000375	Trần Thị Phương	15/08/1997	6,8	C	Đạt	15CTXH	
376	000376	Lê Thị Hồng Phương	01/02/1997	6,8	C	Đạt	15SLS	
377	000377	Lê Thị Phương		6,9	C	Đạt	15SMN	
378	000378	Phạm Thị Thúy Phương	20/11/1996	6,2	C	Đạt	15CTL	
379	000379	Nguyễn Thị Minh Phương	31/10/1997	7,5	B	Đạt	15CTL	
380	000380	Dương thị Kim Phương	16/05/1997	5,9	C	Đạt	15CVH2	
381	000381	Nguyễn Trần Hoa Phương		7,2	B	Đạt	15SHH	
382	000382	Nguyễn Văn Quân	09.08.1996	6,8	C	Đạt	15CVHH	
383	000383	Mai Văn Quang		5,3	D	Đạt	15CBC1	
384	000384	Cao Văn Quý	03/03/1996	4,7	D	Đạt	15CHD2	
385	000385	Lê Văn Minh Quốc	20/05/1997	3,9	F	Không đạt	15CTUD1	
386	000386	Trịnh Phú Quốc	25/06/1997	6,8	C	Đạt	15CQM	
387	000387	Dương Thị Quyên	30/12/1997	6,9	C	Đạt	15CHDE	
388	000388	Nguyễn thị Quyên	25/06/1997	6,8	C	Đạt	15CTM	
389	000389	Nguyễn Thị Quyên	21/07/1997	4,5	D	Đạt	15SGC	
390	000390	Châu Thị Quyên	08/05/1997	5,9	C	Đạt	15CHD1	
391	000391	Nguyễn Tường Quyên	19/03/1997	5,1	D	Đạt	15CBC2	
392	000392	Nguyễn Thị Như Quỳnh	20/07/1997	3,6	F	Không đạt	15SMN	
393	000393	Nguyễn Thị Hồng Sen	25/07/1997	3,8	F	Không đạt	15SMN	
394	000394	Ngô Thị Sim	22/10/1997	4,1	D	Đạt	15CVH1	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi ch
395	000395	Nguyễn Thị Sôn	24.10.1997	4,7	D	Đạt	15CVHH	
396	000396	Huỳnh Thị Minh	01/12/1997	6,9	C	Đạt	15CLS	
397	000397	Võ Thị Thu	22/07/1997	6,5	C	Đạt	15CTL	
398	000398	Nguyễn thị	12/06/1996	5,6	C	Đạt	15CTM	
399	000399	Nguyễn Hạ	02/07/1997	3,6	F	Không đạt	15SDL	
400	000400	Đỗ Thanh	03/10/1996	5,7	C	Đạt	15CQM	
401	000401	Nguyễn Thị Tuyết	24/10/1997	0	F	Không đạt	15CTXH	
402	000402	Lê Thị Thu	26/03/1997	4,4	D	Đạt	15CBC2	
403	000403	Bùi Thị	18/09/1997	4,2	D	Đạt	15CVL	
404	000404	A		5,4	D	Đạt	15SDL	
405	000405	Nguyễn Thị Phương	03/11/1997	4,7	D	Đạt	15CVH1	
406	000406	Nguyễn Thị Minh	06/10/1996	6	C	Đạt	15CTXH	
407	000407	Dương Thị		5	D	Đạt	15SGC	
408	000408	Nguyễn Tài	07/04/1997	6,2	C	Đạt	15ST	
409	000409	Y Ê Xơ	11/01/1996	0,9	F	Không đạt	15SDL	
410	000410	Đinh Phú	18/07/1996	6,5	C	Đạt	15CDMT	
411	000411	Bruioch Thị		4,7	D	Đạt	15SGC	
412	000412	Trần Thị Việt	11.09.1997	7,5	B	Đạt	15STH	
413	000413	Tường Văn	16/07/1997	4,2	D	Đạt	15SGC	
414	000414	Nguyễn Thị	11/12/1997	6,5	C	Đạt	15CBC1	
415	000415	Nguyễn thị Thanh	02/12/1997	3,9	F	Không đạt	15CDDL	
416	000416	Phan Trần Ngọc	01/05/1997	7,4	B	Đạt	15CVNH	
417	000417	Trương Diễm	19/02/1997	8,7	A	Đạt	15SS	
418	000418	Nguyễn Trung	24/12/1995	4,2	D	Đạt	15SGC	
419	000419	Ngô Thị Mỹ	06/06/1997	5,6	C	Đạt	15CTL	
420	000420	Trần thị	16/06/1995	6,3	C	Đạt	15SVL	
421	000421	Nguyễn Thị	10/07/1997	5,4	D	Đạt	15CDDL	
422	000422	Đỗ Thế		4,7	D	Đạt	15CQM	
423	000423	Nguyễn Thị	26/12/1997	5	D	Đạt	15CTM	
424	000424	Đỗ Thị Dạ	01/06/1997	4,2	D	Đạt	15CTM	
425	000425	Nguyễn Thị thu	09/11/1997	4,7	D	Đạt	15CTM	
426	000426	Lê Thị Thảo	26/03/1997	6,9	C	Đạt	15CVH2	
427	000427	Trần Trương Như	06.02.1997	4,7	D	Đạt	15CVHH	
428	000428	Hoàng Thị Dạ	30.05.1997	4,5	D	Đạt	15CVHH	
429	000429	Nguyễn Thị Phương	08/11/1997	6,6	C	Đạt	15SDL	
430	000430	Võ Thị Thu	03/10/1997	5,7	C	Đạt	15SGC	
431	000431	Hoàng Thị Phương	25/05/1997	3,9	F	Không đạt	15SMN	
432	000432	Trần Thị Thu	26/09/1996	6,8	C	Đạt	15CHD1	
433	000433	Trần Thị Phương		6,9	C	Đạt	15SHH	
434	000434	Nguyễn Thị Thu	04/04/1997	0	F	Không đạt	15CTM	
435	000435	Nguyễn Văn	06/01/1997	5,7	C	Đạt	15CDDL	
436	000436	Bùi Thị Bé	26/06/1996	5,7	C	Đạt	15CVH1	
437	000437	Võ Thị	22/06/1997	6,5	C	Đạt	15SGC	
438	000438	Lâm Quang	17/06/1997	4,7	D	Đạt	15ST	
439	000439	Phan Thị Như	27/04/1997	8,3	B	Đạt	15SS	
440	000440	Trần Minh	09/07/1996	6,9	C	Đạt	15CDDL	
441	000441	Hà Phước	13/06/1997	4,1	D	Đạt	15CDMT	
442	000442	Đỗ Thị Mỹ	04/04/1997	4,4	D	Đạt	15CTM	
443	000443	Lê Thị	10/04/1997	7,2	B	Đạt	15CHP	
444	000444	Hồ Văn	03/02/1996	5,6	C	Đạt	15SHH	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi chú
445	000445	Nguyễn Văn Thời	06/10/1996	2,4	F	Không đạt	15SGC	
446	000446	Đặng Quang Thông	05/04/1997	7,1	B	Đạt	15CVNH	
447	000447	Huỳnh Thị Song		6,2	C	Đạt	15CBC1	
448	000448	Lê Thị Minh	28/04/1997	5	D	Đạt	15CNSH	
449	000449	Phạm Thị	08/01/1997	3,8	F	Không đạt	15CTUD2	
450	000450	Hoàng Văn Thuần	20/07/1997	5,1	D	Đạt	15SGC	
451	000451	Đinh Thị Thuận	01/01/1997	5,4	D	Đạt	15SGC	
452	000452	Nguyễn Thị Thương	10/10/1997	5,4	D	Đạt	15CHD1	
453	000453	Từ Thị Thương	18/09/1997	5,4	D	Đạt	15CTUD1	
454	000454	Nguyễn Thị Anh	28/12/1997	5,4	D	Đạt	15CVH2	
455	000455	Lưu Quỳnh	11/12/1997	6	C	Đạt	15CVNH	
456	000456	Lê Thị	13/02/1997	7,1	B	Đạt	15CVNH	
457	000457	Bùi Thị Phương	20/07/1996	4,2	D	Đạt	15CDDL	
458	000458	Nguyễn Thị	01/01/1997	0	F	Không đạt	15CHD1	
459	000459	Phạm Thị		7,4	B	Đạt	15SHH	
460	000460	Nguyễn Thị	28/07/1997	4,4	D	Đạt	15CDMT	
461	000461	Võ Thị	29/03/1994	6,3	C	Đạt	15CHP	
462	000462	Võ Thị Kim	06/07/1997	3,8	F	Không đạt	15CQM	
463	000463	Nguyễn Thị Thu	01/01/1997	4,2	D	Đạt	15CDMT	
464	000464	Lê Thị Thanh	30/06/1997	7,8	B	Đạt	15CHDE	
465	000465	Mai Thị Bích	14/04/1996	4,1	D	Đạt	15CVH1	
466	000466	Trần Thu	04/07/1997	5,1	D	Đạt	15SGC	
467	000467	Phạm Thị Thu		6,9	C	Đạt	15SGC	
468	000468	Võ Thị		8	B	Đạt	15SHH	
469	000469	Đào Hồng	23/06/1997	7,1	B	Đạt	15SNV	
470	000470	Phạm Thị Ái		4,4	D	Đạt	15CQM	
471	000471	Nguyễn Hà	17/04/1997	7,2	B	Đạt	15CTL	
472	000472	Võ Đặng Song	05/09/1997	6,3	C	Đạt	15SLS	
473	000473	Y Thùy	11/03/1996	5,7	C	Đạt	15CTXH	
474	000474	Nguyễn Thụy Thùy	12/05/1997	6,3	C	Đạt	15SVL	
475	000475	Võ Thị Thanh	08/02/1997	4,2	D	Đạt	15SVL	
476	000476	Lê Tấn	26/02/1997	5,6	C	Đạt	15CVH2	
477	000477	Hồ Thị Minh	21/07/1997	4,5	D	Đạt	15SGC	
478	000478	Y	13/01/1996	4,2	D	Đạt	15SDL	
479	000479	Dương Văn		2,6	F	Không đạt	15CQM	
480	000480	Hồ Phước	28/07/1997	4,4	D	Đạt	15CDDL	
481	000481	Nguyễn Thị	16/05/1997	6,3	C	Đạt	15CHDE	
482	000482	Nguyễn Thị Hương	14/12/1996	5,9	C	Đạt	15CTL	
483	000483	Vũ Thị Ngọc	21/10/1997	7,1	B	Đạt	15CHD2	
484	000484	Trần Thị Mỹ	21/05/1997	3,9	F	Không đạt	15CHP	
485	000485	Nguyễn Dương Thùy	20/10/1997	6,6	C	Đạt	15CTM	
486	000486	Nguyễn Thị Bích	20/11/1997	4,8	D	Đạt	15CTUDE	
487	000487	Nguyễn Thị Bích	01/05/1997	6,2	C	Đạt	15SGC	
488	000488	Lê Thị		6,6	C	Đạt	15CBC1	
489	000489	Trần Thị Bảo	06/10/1997	5,1	D	Đạt	15CTXH	
490	000490	Nguyễn Thị Thùy	31/03/1997	7,8	B	Đạt	15CVNH	
491	000491	Nguyễn Thị Ngọc	20/12/1997	7,1	B	Đạt	15SLS	
492	000492	Nguyễn Thị Thùy	18/04/1997	7,4	B	Đạt	15SNV	
493	000493	Đặng Thị Ngọc	14/01/1997	8	B	Đạt	15SS	
494	000494	Nguyễn Trịnh Nam	28/1/1997	6,2	C	Đạt	15CBC1	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi chú
495	000495	Đinh Thị Kiều Trang	23/08/1997	4,7	D	Đạt	15CBC2	
496	000496	Đinh Thị Trang Trang	12/06/1997	4,4	D	Đạt	15CDDL	
497	000497	Võ Thị Ngọc Trang	28/08/1996	0	F	Không đạt	15CDMT	
498	000498	Trần Thị Kiều Trang	18/01/1997	6,3	C	Đạt	15CHD1	
499	000499	Trần Thị Huyền Trang	17/07/1996	6,3	C	Đạt	15CHD2	
500	000500	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	26/03/1997	6,5	C	Đạt	15CLS	
501	000501	Huỳnh Thu Trang	11/07/1996	0	F	Không đạt	15CTUD1	
502	000502	Phùng Thị Đoan Trang	13/07/1997	6,8	C	Đạt	15CTUD1	
503	000503	Đặng Thị Thùy Trang	13/04/1997	5,6	C	Đạt	15CTUDE	
504	000504	Nguyễn Thế Huyền Trang	02/12/1997	4,5	D	Đạt	15CTUDE	
505	000505	Võ Thị Trang	12/03/1995	2,9	F	Không đạt	15SGC	
506	000506	Hứa Lê Thiên Trang	16/11/1997	7,2	B	Đạt	15SMN	
507	000507	Trần Lê Hạnh Trang	11/09/1997	0	F	Không đạt	15SMN	
508	000508	Phạm Thị Trang		3,9	F	Không đạt	15CBC1	
509	000509	Nguyễn Thị Thanh Trang	09/02/1997	3	F	Không đạt	15CVL	
510	000510	Trần Thị Thùy Trang	25/01/1997	5,7	C	Đạt	15CVL	
511	000511	Nguyễn Thị Huyền Trang		5,7	C	Đạt	15SHH	
512	000512	Trương Thị Huyền Trang	27/06/1997	6	C	Đạt	15SMN	
513	000513	Nguyễn Thị Thùy Trang	01/04/1997	5,1	D	Đạt	15CBC2	
514	000514	Nguyễn Phạm Huyền Trang	25/12/1997	5,6	C	Đạt	15SDL	
515	000515	Nguy Như Minh Trí	02/08/1995	5,1	D	Đạt	15CVH2	
516	000516	Phạm Đức Trí	22/12/1996	5	D	Đạt	15CTXH	
517	000517	Trần Minh Trí	05/01/1997	0	F	Không đạt	15CVL	
518	000518	Nguyễn Văn Trí	29/11/1997	6,6	C	Đạt	15CVL	
519	000519	Lê Thị Hồng Triêm	13.02.1997	4,4	D	Đạt	15STH	
520	000520	Võ Thị Thanh Triều	05/09/1997	3,9	F	Không đạt	15SGC	
521	000521	Nguyễn Thị Triều	02/04/1997	8	B	Đạt	15SNV	
522	000522	Trần Thị Xuân Trim	27/05/1997	2,6	F	Không đạt	15CQM	
523	000523	Hoồ Thị Trinh	24/08/1997	2,7	F	Không đạt	15SDL	
524	000524	Lê Thị Tổ Trinh	01/06/1995	3,3	F	Không đạt	15SGC	
525	000525	Nguyễn thị Trinh	04/06/1997	4,1	D	Đạt	15SGC	
526	000526	Dương Thị Trinh	09/02/1996	5,7	C	Đạt	15CVL	
527	000527	Nguyễn Thị Thùy Trinh	10/02/1997	5,9	C	Đạt	15SLS	
528	000528	Võ Trần Kiều Trinh	14/07/1997	6,5	C	Đạt	15SVL	
529	000529	Hà Thị Trinh	27/12/1997	6,2	C	Đạt	15SVL	
530	000530	Hồ Thị Trời	10/11/1997	6,3	C	Đạt	15SNV	
531	000531	Phan Hồ Thanh Trúc	27/08/1997	6,2	C	Đạt	15CHD1	
532	000532	Nguyễn Thị Thu Trúc	01/10/1997	6,3	C	Đạt	15SLS	
533	000533	Lê Thị Tuyết Trung	17/12/1997	5,9	C	Đạt	15CTM	
534	000534	Trần Đức Trung	27/12/1996	6,3	C	Đạt	15CHP	
535	000535	Lê Trần Việt Tú	01/01/1997	5	D	Đạt	15CHP	
536	000536	Huỳnh Thị Tú	28/02/1997	6,5	C	Đạt	15CVH2	
537	000537	Lê Thị Tú	03/06/1997	8,9	A	Đạt	15CVNH	
538	000538	Diệp Thị Hoàng Tư	24/12/1997	5,3	D	Đạt	15CTM	
539	000539	Thái Trung Tuấn	06/02/1997	5,1	D	Đạt	15CDMT	
540	000540	Võ Quốc Tuấn	25/02/1997	6	C	Đạt	15CDMT	
541	000541	Nguyễn Thành Tuấn	21/12/1996	8,1	B	Đạt	15CQM	
542	000542	A Tuấn		5,4	D	Đạt	15SDL	
543	000543	Trần Công Tùng	29/11/1997	9,6	A	Đạt	15CHDE	
544	000544	Lê Thanh Tùng	21/10/1997	6,8	C	Đạt	15CTUD1	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Kết quả	Lớp	Ghi chú
595	000595	Trương Nguyễn Tường Vy	08/04/1997	4,2	D	Đạt	15CBC1	
596	000596	Lê Thị Vy	06/10/1997	4,7	D	Đạt	15CHP	
597	000597	Văn Thị Kiều Vy	14/04/1997	5,1	D	Đạt	15CTM	
598	000598	Phạm Thị Tường Vy	04/09/1997	4,7	D	Đạt	15CTUDE	
599	000599	Nguyễn Thị Lâm Vy	03/01/1995	5,4	D	Đạt	15CVH1	
600	000600	Nguyễn Đoàn Thoại Vy	01/01/1997	7,2	B	Đạt	15CVH2	
601	000601	Nguyễn Thị Lan Vy	08/12/1997	5,7	C	Đạt	15SMN	
602	000602	Hứa Thị Vy	05/01/1996	3,9	F	Không đạt	15CNSH	
603	000603	Thái Phạm Tường Vy	03/04/1996	6,9	C	Đạt	15CQM	
604	000604	Nguyễn Thị Thảo Vy	08/04/1997	5,9	C	Đạt	15CQM	
605	000605	Dương Thị Vy	08/02/1997	6,9	C	Đạt	15CVL	
606	000606	Phạm Thị Tường Vy	07/07/1997	5,4	D	Đạt	15CVNH	
607	000607	Phạm Thị Ngọc Vy	04/04/1996	8,7	A	Đạt	15SNV	
608	000608	Nguyễn Hoài Vy	19.12.1997	8	B	Đạt	15STH	
609	000609	Nguyễn Thị Nhật Vy	29.05.1997	6,5	C	Đạt	15STH	
610	000610	Nguyễn Thị Xuân	02/02/1997	4,5	D	Đạt	15CTUDE	
611	000611	Trần Thị Duyên Xuân	13/10/1997	7,1	B	Đạt	15CTXH	
612	000612	Nguyễn Thị Phương Yên	10/07/1997	7,5	B	Đạt	15SNV	
613	000613	Phạm Thị Mỹ Yên	16/04/1997	0	F	Không đạt	15CDMT	
614	000614	Lê Hải Yên	25/07/1997	5,1	D	Đạt	15CTL	
615	000615	Nguyễn Thị Yên	01/04/1996	4,7	D	Đạt	15CVH1	
616	000616	Phan Ngô Hải Yên	10/04/1997	3,5	F	Không đạt	15CVH2	
617	000617	Nguyễn Đăng Hoàng Yên	01.11.1997	3,2	F	Không đạt	15CVHH	
618	000618	Nguyễn Hoàng Yên	04/05/1997	5,1	D	Đạt	15SMN	
619	000619	Lâm Hoàng Yên		0	F	Không đạt	15CTUD1	
620	000620	Nguyễn Thị Diệp Anh	10/10/1997	6,8	C	Đạt	15CVNH	
621	000621	Nguyễn Thị Ngọc Anh	18/05/1997	3,6	F	Không đạt	15CTM	

Thống kê:

1. Theo điểm chữ:	Số lượng	Tỷ lệ
A	9	1,4
B	67	10,8
C	203	32,7
D	217	34,9
F	125	20,1
Tổng cộng	621	

2. Kết quả:	Số lượng	Tỷ lệ
Loại Đạt	496	79,9
Loại không đạt	125	20,1
	621	

Người tổng hợp điểm

Lê Doãn Cang

PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG

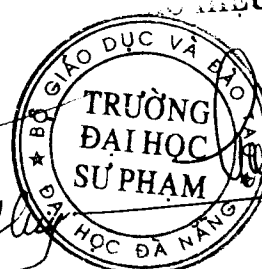
P.TP

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 08 năm 2016

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

K. THIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG



PGS.TS. LÊ QUANG SƠN